TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2020/HNGĐ-ST
Ngày 04-6-2020
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Trọng Nhân.

Ông Nguyễn Văn Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Anh Thy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Thu L, sinh năm 1972 (Có mặt);
Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Anh Trương Thành T, sinh năm 1972 (Có mặt);
Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Thu L trình bày:

- Về hôn nhân: Chị L và anh Trương Thành T bắt đầu chung sống với nhau vào năm 1993, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 20/11/1993 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là huyện T). Tuy nhiên, giấy chứng nhận kết hôn đã bị thất lạc và không trích lục được do không còn bộ lưu kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, anh T dùng lời lẽ xúc phạm danh dự, thậm chí đánh đập chị.

Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, năm 2017 chị và anh T đã sống ly thân cho đến nay. Chị L tạo điều kiện cho anh T hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Nay nhận thấy tình cảm không còn nên chị L yêu cầu ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị L và anh T có 02 con chung là cháu Trương Minh H, sinh ngày 30/3/1995 và cháu Trương Minh L, sinh ngày 13/7/2007. Hiện tại cháu H đã thành niên, riêng cháu L đang sống cùng em ruột của chị L tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang. Do chị và anh T đi làm ăn xa không có điều kiện trực tiếp chăm sóc cháu. Tuy nhiên, khi ly hôn, chị L yêu cầu được trực tiếp chăm sóc cháu L và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, chị L không còn yêu cầu gì khác.

Theo biên bản lấy lời khai và quá trình tố tụng, bị đơn anh Trương Thành T trình bày:

Anh T thống nhất với lời trình bày của chị L về tình trạng hôn nhân giữa anh và chị L. Anh chị kết hôn năm 1993, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Phú. Tuy nhiên, giấy chứng nhận kết hôn đã bị thất lạc. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc. Đến năm 2017, do làm ăn thua lỗ nên vợ chồng phát sinh cãi nhau và sống ly thân từ đó cho đến nay. Anh T thừa nhận khi cãi nhau anh có lời lẽ xúc phạm chị L. Trong thời gian sống ly thân, anh T đã nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm đồng thời cũng đã xin lỗi chị L nhưng chị L không đồng ý. Đối với yêu cầu ly hôn của chị L, anh T không đồng ý bởi vì anh vẫn còn tình cảm với chị.

Về con chung: Anh T thống nhất anh và chị L có 02 con chung là cháu H và cháu L đúng như chị L đã trình bày. Cháu H đã thành niên, riêng cháu L đang sống chung với anh T. Nếu phải ly hôn theo quyết định của Tòa án, anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn anh T thay đổi toàn bộ ý kiến, anh T thống nhất ly hôn theo yêu cầu của chị L và đồng ý giao cháu L cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án, đề nghị:

+ Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị L và anh T.

+ Về con chung: Giao cháu Trương Minh L, sinh ngày 13/7/2007 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Trần Thị Thu L yêu cầu ly hôn với anh Trương Thành T và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Trương Minh L nên đây là "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Trương Thành T có nơi cư trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị L và anh T đều thống nhất trình bày anh chị kết hôn năm 1993 và có đăng ký kết hôn cùng năm tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là huyện T). Tuy nhiên, anh chị không cung cấp được tài liệu chứng minh việc đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Mặt khác, Ủy ban nhân dân xã T xác nhận không còn bộ lưu kết hôn của anh chị tại Cơ quan này (Bút lục 01). Do đó, không đủ cơ sở xác định chị L và anh T đã thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Chị L, anh T có đủ điều kiện kết hôn nhưng chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Tuy nhiên, chị L có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh T đồng thời anh T thống nhất ly hôn với chị L nên Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị L và anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 và giải quyết quan hệ con chung, tài sản chung, nợ chung của anh chị theo quy định tại Điều 15, Điều 16 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị L và anh T có 02 con chung là cháu Trương Minh H, sinh ngày 30/3/1995 và cháu Trương Minh L, sinh ngày 13/7/2007. Hiện tại cháu H đã thành niên, chị L và anh T đều không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Riêng đối với cháu L do anh chị đi làm ăn xa, cháu L sống tại địa phương được người thân chăm sóc. Xét thấy, đến thời điểm xét xử cả chị L và anh T đều không trực tiếp nuôi dưỡng cháu L. Như vậy điều kiện nuôi dưỡng con chung của anh chị là ngang nhau. Chị L yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu L và được anh T đồng ý. Mặt khác, theo nguyện vọng của cháu L, cháu mong muốn được sống chung với chị L. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu L cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Thi hành án dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị Thu L và anh Trương Thành T.

2. Về con chung: Giao cháu Trương Minh L, sinh ngày 13/7/2007 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 49392 ngày 28/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông, nên chị L đã nộp xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị L, anh T được quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phú Đông;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú Đông;
- UBND xã T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thơm